

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2017/DSST**.

Ngày: 26/7/2017.

V/v: Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các hội thẩm nhân dân :

1. Ông Mai Thế Hải.
2. Bà Nguyễn Thị Xuân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân – Thư ký TAND huyện Tân Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Linh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2017/TLST-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2017; về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2017/QĐST-DS, ngày 05 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần L, sinh năm 1956 và bà Phan Thị D, sinh năm 1956; Cùng trú địa chỉ: Thôn 3, xã Đ, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận. Có mặt.

3. *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1962; Trú tại: Thôn 2, xã Đ, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt (Ủy quyền tham gia tố tụng cho bà S).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - bà Nguyễn Thị S yêu cầu:

Bà S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà D, ông L phải trả số tiền vay gốc là 600.000.000đ, không yêu cầu tính lãi. Cụ thể, ngày 20/12/2016 âm lịch, bà D đã vay của bà S số tiền 600.000.000đ, hai bên có viết giấy vay tiền giao bà S giữ. Sau khi vay, nhiều lần bà S yêu cầu vợ chồng bà D trả tiền vay nhưng vợ chồng bà D

không thực hiện. Bà S yêu cầu vợ chồng bà D, ông L phải trả số tiền đã vay dứt điểm trong một lần.

Bị đơn - vợ chồng bà Phan Thị D, ông Trần L trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Vợ chồng bà D, ông L công nhận vào ngày 20/12/2016 âm lịch, bà D có vay tiền của bà S số tiền là 600.000.000đ như bà S đã trình bày. Khi vay tiền, hai bên có viết giấy vay tiền cho bà S giữ. Hiện nay, vợ chồng bà D, ông L công nhận còn thiếu bà S số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng. Vợ chồng bà D, ông L đồng ý trả cho bà S số tiền nợ gốc như trên nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có điều kiện trả tiền đã vay như phương án bà S đặt ra.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc vợ chồng bà Phan Thị D, ông Trần L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà S số tiền 600.000.000đ. Miễn nộp tiền phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng bà D, ông L theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn trả lại cho bà S số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe các đương sự trình bày; nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Người có quyền và nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Đức M vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên ông M đã có lời khai và ủy quyền cho bà S. Do đó HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông M là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] *Về quan hệ tranh chấp trong vụ án:* Ngày 20/12/2016 âm lịch, bà Phan Thị D vay tiền của bà Nguyễn Thị S nhưng sau đó không trả tiền vay nên bà S đã khởi kiện vợ chồng bà D tại Tòa án, yêu cầu phải trả số tiền đã vay. Bị đơn - vợ chồng bà D, ông L công nhận có vay tiền và đồng ý trả tiền cho bà S. Do đó HĐXX thấy có đủ cơ sở để

xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là phù hợp với quy định tại khoản 3, Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị S:

Thể hiện trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều công nhận vào ngày 20/12/2016, bà D có vay của bà S số tiền 600.000.000đ, hai bên có viết giấy vay tiền giao bà S giữ. Bà D công nhận chữ ký trong giấy vay tiền do bà S cung cấp là chữ ký của bà D. Sau nhiều lần yêu cầu trả số tiền đã vay nhưng vợ chồng bà D, ông L không thực hiện nên bà S khởi kiện vợ chồng bà D, ông L yêu cầu trả tiền vay là 600.000.000 đồng; Số tiền mà vợ chồng bà D còn thiếu là tài sản chung của vợ chồng bà S và ông M.

Bị đơn - vợ chồng bà D, ông L công nhận bà D có vay tiền của bà S và đồng ý trả số tiền vay là 600.000.000 đồng. Tuy nhiên, vợ chồng bà D đề nghị được trả dần cho đến khi hết số nợ nhưng bà S không đồng ý. Do các bên đương sự không thống nhất được phương thức trả tiền nên Tòa án hòa giải không thành, phải đưa vụ án ra xét xử công khai.

Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa nguyên đơn - bà S với bị đơn - vợ chồng bà D, ông L đã thống nhất được với nhau về quan hệ tranh chấp, về số tiền vay phải trả. Ông L cũng đồng ý liên đới cùng bà D trả tiền nợ cho bà S. Số tiền mà vợ chồng bà D còn thiếu là tài sản chung của vợ chồng bà S, ông M. Do đó Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để buộc vợ chồng bà D, ông L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà S, ông M số tiền đã vay 600.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466 BLDS 2015. Bà S không yêu cầu tính tiền lãi phát sinh nên HĐXX không xét đến.

[4] Về án phí: Do vợ chồng bà D, ông L (đều sinh năm 1956), thuộc trường hợp người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi nên miễn nộp tiền phí dân sự sơ thẩm cho vợ chồng bà D, ông L theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; trả lại tiền tạm ứng án phí DSST cho bà S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203; khoản 2 Điều 227 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Các Điều 463, 466 và khoản 2 Điều 357 BLDS 2015;
- Điều 25 Luật HNGĐ năm 2000;
- Nghị quyết 326/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S. Buộc vợ chồng bà Phan Thị D, ông Trần L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức M số tiền **600.000.000đ** (Sáu trăm triệu đồng). Chia phần bà Phan Thị D phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức M số tiền 300.000.000 đồng và ông Trần L phải trả cho vợ chồng bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Đức M số tiền 300.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án (bà S, ông M) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án (bà D, ông L) chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất như sau:

- Trường hợp các bên có thỏa thuận thì mức lãi suất không được vượt quá 20%/năm; Trường hợp các bên không có thỏa thuận thì mức lãi suất là 10%/năm; Theo quy định khác của pháp luật (nếu có).

Về án phí:

- Miễn nộp tiền án phí DSST cho vợ chồng bà Phan Thị D, ông Trần L.

- Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị S số tiền 7.000.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0011879, ngày 18/4/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 26/7/2017. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự.....;
- Chi cục Thi hành án DS h.Tánh Linh;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ Hải Hồ